



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H92521850200000001	NGUYEN BAO CHAU	女	2008-01-31	001308007729	LE 4.14	
2	H92521850200000002	DANG HIEU NGUYEN	男	2008-08-23	001208069833	LE 4.14	
3	H92521850200000003	LE THI TRA MY	女	2002-10-12	036302009418	LE 4.14	
4	H92521850200000004	LE THI HONG NHUNG	女	1995-05-20	052195002341	LE 4.14	
5	H92521850200000005	DUONG THI BINH	女	2004-12-01	019304006525	LE 4.14	
6	H92521850200000006	NGO THO QUAN	男	2008-03-15	001208003041	LE 4.14	
7	H92521850200000007	HOANG TUAN ANH	男	2003-12-01	002203000168	LE 4.14	
8	H92521850200000008	VU HUU THANH	男	2007-11-16	022207001530	LE 4.14	
9	H92521850200000009	LE NHU QUYNH	女	1998-01-01	001198003089	LE 4.14	
10	H92521850200000010	BUI BAO NHI	女	2001-07-18	022301001051	LE 4.14	
11	H92521850200000011	BUI MINH PHUONG	女	2004-11-27	001304015964	LE 4.14	
12	H92521850200000012	TRUONG LE MY	女	1995-06-23	001195012147	LE 4.14	
13	H92521850200000013	LE PHUONG THAO	女	2008-01-28	001308005198	LE 4.14	
14	H92521850200000014	HOANG HA DIEM QUYNH	女	2002-08-22	024302002258	LE 4.14	
15	H92521850200000015	NGUYEN KIM CHI	女	2006-01-06	001306013749	LE 4.14	
16	H92521850200000016	LE THI THIEN NGHA	女	2004-01-20	038304009983	LE 4.14	
17	H92521850200000017	NGUYEN THI HUYEN TRANG	女	2007-12-02	042307007200	LE 4.14	
18	H92521850200000018	TRIEU HA LINH	女	2008-07-13	026308007985	LE 4.14	
19	H92521850200000019	LY DIEU LINH	女	2003-12-03	008303004321	LE 4.14	
20	H92521850200000020	TON THU THAO	女	1997-11-09	027197010462	LE 4.14	
21	H92521850200000021	NGUYEN THI THAO	女	2003-09-30	038303025066	LE 4.14	
22	H92521850200000022	DAO THI MINH THU	女	2008-01-21	031308013851	LE 4.14	
23	H92521850200000023	BUI PHUONG ANH	女	2008-09-08	019308005414	LE 4.14	
24	H92521850200000024	TRAN THU HIEN	女	1997-07-09	019197008867	LE 4.14	
25	H92521850200000025	HOANG THANH NHAN	女	2006-05-06	019306007400	LE 4.14	
26	H92521850200000026	NGUYEN TRAN BAO NGOC	女	2008-09-15	024308003476	LE 4.14	
27	H92521850200000027	MAI THI DUNG	女	1996-01-13	034196005012	LE 4.14	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 27.12.2025 - TRÌNH ĐỘ HSKK Cao cấp - LE 5.20

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H92521850200000028	BUI THI VAN	女	2006-10-24	031306003466	LE 5.20	
2	H92521850200000029	HOANG THI THUY NGAN	女	2000-04-03	022300000728	LE 5.20	
3	H92521850200000030	DANG THI THU HA	女	1990-10-19	p02753546	LE 5.20	
4	H92521850200000031	DUONG THI MINH HOA	女	2004-06-26	024304009741	LE 5.20	
5	H92521850200000032	VU THI PHUONG THUY	女	1998-12-24	036198000493	LE 5.20	
6	H92521850200000033	NGUYEN THI BICH NGOC	女	2004-01-17	030304010639	LE 5.20	
7	H92521850200000034	LO PHA DUNG	男	2005-03-19	010205001226	LE 5.20	
8	H92521850200000035	HOANG THI HAO	女	2005-11-26	010305008563	LE 5.20	
9	H92521850200000036	VANG THI HUE	女	2005-04-20	012305000621	LE 5.20	
10	H92521850200000037	TAN TA MAY	女	2004-09-03	010304007827	LE 5.20	
11	H92521850200000038	NONG THUY HONG	女	2000-06-17	010300008259	LE 5.20	
12	H92521850200000039	NGUYEN HOANG BAO NGHI	女	2008-11-26	001308046680	LE 5.20	
13	H92521850200000040	PHAN NGUYEN HA TRANG	女	2008-07-24	040308016854	LE 5.20	
14	H92521850200000041	LU THI HUE	女	2003-05-21	012303000154	LE 5.20	
15	H92521850200000042	LUC THI TUYET ANH	女	2007-09-30	024307012587	LE 5.20	
16	H92521850200000043	LE PHAN BAO TRAM	女	2008-12-01	024308009383	LE 5.20	
17	H92521850200000044	NGUYEN NGOC ANH DUONG	女	2008-10-13	024308013623	LE 5.20	
18	H92521850200000045	NGUYEN LUONG BACH DUONG	女	2003-11-07	001303022097	LE 5.20	
19	H92521850200000046	NGUYEN THI THUY TRANG	女	2008-04-12	002308008736	LE 5.20	
20	H92521850200000047	VU NGOC KHANH CHI	女	2008-08-14	001308039024	LE 5.20	
21	H92521850200000048	TRAN CHINH BANG	男	2003-12-01	c8922171	LE 5.20	